Số: 1094/KH-CCPTNT
Thời gian ký: 2026-11-11T14:49:51+07:00

Phụ lục I
ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO

Tình hình triển khai thực hiện các cơ chế, chính sách trên lĩnh vực giảm nghèo, phát triển nông thôn và một số nội dung liên quan đến nông thôn mới; công tác điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo định kỳ năm 2026; Chương trình OCOP và công tác đào tạo nghề

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-CCPTNT ngày /11/2026 của Chi cục Phát triển nông thôn)

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH

1. Công tác chỉ đạo thực hiện các chính sách trên lĩnh vực giảm nghèo, phát triển nông thôn

Đánh giá công tác ban hành văn bản chỉ đạo, hướng dẫn; việc phân công trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, địa phương; công tác kiểm tra, đôn đốc và tổ chức triển khai thực hiện các cơ chế, chính sách.

2. Công tác thông tin, tuyên truyền

Đánh giá kết quả công tác thông tin, tuyên truyền, phổ biến các cơ chế, chính sách đến các cơ quan, đơn vị, địa phương, tổ chức, cá nhân và người dân; các hình thức tuyên truyền và mức độ tiếp cận chính sách của các đối tượng thụ hưởng.

II. KẾT QUẢ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CÁC CHÍNH SÁCH VÀ NHIỆM VỤ TRÊN LĨNH VỰC GIẢM NGHÈO, PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

1. Nghị quyết số 17/2026/NQ-HĐND ngày 29/5/2026 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2026–2030

1.1. Tình hình triển khai thực hiện

a) Tình hình bố trí và sử dụng kinh phí:

Tổng kinh phí được giao, bố trí để triển khai thực hiện Nghị quyết; trong đó, ngân sách thành phố, ngân sách cấp xã và các nguồn kinh phí hợp pháp khác (nếu có).

Tổng kinh phí đã thực hiện, giải ngân; tỷ lệ giải ngân so với kinh phí được bố trí.

Nguồn vốn đối ứng của doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, chủ vườn, chủ trang trại và người dân (nếu có).

b) Tình hình đăng ký nhu cầu và tiếp cận chính sách:

Số lượng tổ chức, cá nhân đăng ký nhu cầu hỗ trợ; số lượng hồ sơ đã tiếp nhận, thẩm định, phê duyệt và số lượng đối tượng đã được hỗ trợ theo từng chính sách.

Số lượng đối tượng chưa được hỗ trợ, nguyên nhân và nhu cầu hỗ trợ trong thời gian tới (nếu có).

Tổng số vườn, trang trại trên địa bàn; tình hình sản xuất, kinh doanh, quy mô, ngành nghề và hiệu quả hoạt động.

Số lượng chủ vườn, chủ trang trại có nhu cầu đăng ký tham gia chính sách hỗ trợ theo Nghị quyết; số lượng đã đăng ký, được phê duyệt và đã nhận hỗ trợ.

Số lượng hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp trên địa bàn; tình hình hoạt động, lĩnh vực sản xuất, kinh doanh và mức độ liên kết trong sản xuất, tiêu thụ sản phẩm.

Số lượng hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác có nhu cầu tiếp cận chính sách; số lượng đã đăng ký, được phê duyệt và được thụ hưởng chính sách hỗ trợ.

1.2. Kết quả đạt được

Đánh giá kết quả thực hiện theo từng nội dung, chính sách hỗ trợ quy định tại Nghị quyết; số lượng đối tượng được hỗ trợ, mức hỗ trợ, kết quả và hiệu quả đạt được.

1.3. Một số mô hình tiêu biểu

Thông tin cụ thể về các mô hình được hỗ trợ, gồm: tên mô hình, chủ mô hình, địa điểm triển khai, quy mô, đặc điểm nổi bật, kinh phí hỗ trợ, hiệu quả kinh tế - xã hội, khả năng nhân rộng và số lao động được giải quyết việc làm.

1.4. Đánh giá chung

1.5. Khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân

1.6. Kiến nghị, đề xuất

(Thống kê kết quả thực hiện chi tiết tại Mẫu Phụ biểu 1)

2. Nghị quyết số 63/2026/NQ-HĐND ngày 29/6/2026 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định cơ chế, chính sách hỗ trợ sắp xếp, ổn định dân cư miền núi, vùng thiên tai trên địa bàn thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2026–2030:

(Báo cáo và thống kê kết quả chi tiết tại Mẫu Phụ lục II Đề cương báo cáo NQ 63 và Phụ biểu 2)

3. Nghị quyết số 64/2026/NQ-HĐND ngày 29/6/2026 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định một số chính sách giảm nghèo đặc thù trên địa bàn thành phố Đà Nẵng

3.1. Nguồn kinh phí triển khai thực hiện

- Tổng kinh phí được bố trí;

- Cơ cấu nguồn kinh phí: ngân sách thành phố; ngân sách cấp xã; nguồn vốn Chương trình MTQG (nếu có); nguồn "Quỹ vì người nghèo" và nguồn huy động hợp pháp khác;

- Tổng kinh phí đã giải ngân.

3.2. Kết quả đạt được

Đánh giá kết quả thực hiện theo từng chính sách hỗ trợ quy định tại Nghị quyết số 64/2026/NQ-HĐND, số lượng đối tượng được thụ hưởng, mức hỗ trợ, kinh phí thực hiện và hiệu quả góp phần cải thiện đời sống, nâng cao thu nhập, tạo việc làm và giảm nghèo bền vững.

3.3. Một số mô hình, cách làm hiệu quả

Thông tin cụ thể về tên mô hình, chủ thể thực hiện, địa điểm, đối tượng tham gia, nội dung hỗ trợ, hiệu quả mang lại và khả năng nhân rộng.

3.4. Đánh giá chung

3.5. Khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân

3.6. Kiến nghị, đề xuất

(Thống kê kết quả thực hiện chi tiết tại Mẫu Phụ biểu 3)

4. Nghị quyết số 23/2025/NQ-HĐND ngày 11/12/2025 của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng quy định chính sách hỗ trợ Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) trên địa bàn thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2026–2030

4.1. Nguồn kinh phí triển khai thực hiện

- Tổng kinh phí được bố trí;

- Tổng kinh phí đã giải ngân;

- Cơ cấu nguồn kinh phí: ngân sách thành phố; ngân sách cấp xã; nguồn huy động hợp pháp khác;

- Nguồn vốn đối ứng của doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, trang trại và người dân (nếu có);

- Số lượng tổ chức, cá nhân và đối tượng được tiếp cận, thụ hưởng chính sách.

4.2. Kết quả đạt được

- Nêu rõ đang ban hành/ chưa ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình OCOP giai đoạn 2026 -2030;

- Các nội dung đã triển khai thực hiện trong năm 2026

4.3. Đánh giá chung

4.4. Khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân

4.5. Kiến nghị, đề xuất

(Thống kê kết quả thực hiện chi tiết tại Mẫu Phụ biểu 4)

5. Công tác điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo định kỳ năm 2026

Tập trung đánh giá các nội dung sau:

- Công tác chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện công tác rà soát, công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo năm 2026 tại địa phương;

- Tiến độ rà soát, công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo và việc thực hiện các bước theo quy trình, phương pháp rà soát theo quy định;

- Việc thu thập, kiểm tra, xác minh thông tin của hộ gia đình và xác định hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo;

- Việc lập, công khai, thẩm định, công nhận danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo theo quy định;

- Công tác tổng hợp, báo cáo và cập nhật kết quả rà soát, công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2026 theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2022-2025 và chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2027-2030;

- Đánh giá kết quả thực hiện chỉ tiêu giảm nghèo của địa phương so với chỉ tiêu của thành phố giao.

- Những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện và kiến nghị, đề xuất của địa phương.

6. Công tác đào tạo nghề lĩnh vực nông nghiệp

6.1. Công tác chỉ đạo, hướng dẫn và tổ chức triển khai thực hiện

- Công tác ban hành văn bản chỉ đạo, hướng dẫn triển khai công tác đào tạo nghề lĩnh vực nông nghiệp tại địa phương.

- Tình hình xây dựng, ban hành và triển khai kế hoạch đào tạo nghề; công tác phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị, địa phương và cơ sở đào tạo.

- Kết quả triển khai Kế hoạch số 386/KH-UBND ngày 29/7/2026 của UBND thành phố về triển khai thực hiện Kế hoạch đào tạo nâng cao chất lượng lao động ngành nông nghiệp, hình thành lực lượng nông dân số, nông dân chuyên nghiệp và đội ngũ quản trị hợp tác xã hiện đại giai đoạn 2026–2030 trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

6.2. Kết quả thực hiện công tác đào tạo nghề lĩnh vực nông nghiệp

- Số lượng kế hoạch đào tạo nghề được xây dựng, triển khai.

- Số lớp đào tạo nghề đã tổ chức; số lớp hoàn thành; số lớp đang triển khai và số lớp chưa thực hiện.

- Tổng số lao động tham gia đào tạo; số lao động hoàn thành khóa học; số lao động được cấp chứng chỉ hoặc chứng nhận đào tạo (nếu có).

- Số lao động được đào tạo theo từng ngành nghề, lĩnh vực; hình thức đào tạo.

- Số lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, lao động là người dân tộc thiểu số và các đối tượng khác được đào tạo (nếu có).

- Số lượng cơ sở đào tạo, đơn vị phối hợp tổ chức đào tạo; tổng kinh phí thực hiện và tình hình giải ngân.

- Kết quả đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho nông dân, nông dân số, nông dân chuyên nghiệp và đội ngũ quản trị hợp tác xã.

(Thống kê kết quả thực hiện chi tiết tại Mẫu Phụ biểu 5)

6.3. Kết quả giải quyết việc làm và nâng cao thu nhập sau đào tạo

- Số lao động có việc làm sau đào tạo; số lao động tiếp tục làm việc tại cơ sở sản xuất, kinh doanh; số lao động tự tạo việc làm.

- Số lao động áp dụng kiến thức, kỹ năng được đào tạo vào sản xuất nông nghiệp; số lao động chuyển đổi nghề nghiệp (nếu có).

- Đánh giá hiệu quả đào tạo nghề đối với nâng cao năng suất lao động, thu nhập và phát triển sản xuất tại địa phương.

6.4. Đánh giá chung

Đánh giá kết quả đạt được, hiệu quả công tác đào tạo nghề lĩnh vực nông nghiệp; mức độ đáp ứng nhu cầu đào tạo của người lao động và yêu cầu phát triển ngành nông nghiệp tại địa phương.

6.5. Khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân

6.6. Kiến nghị, đề xuất

Đề xuất giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo nghề; nhu cầu đào tạo nghề lĩnh vực nông nghiệp năm 2027 và giai đoạn 2026–2030; kiến nghị về cơ chế, chính sách, kinh phí và tổ chức thực hiện.

7. Tình hình thực hiện Nghị quyết số 85/NQ-CP ngày 04/4/2026 của Chính phủ và Kế hoạch số 102-KH/TU ngày 29/6/2026 của Thành ủy về triển khai thực hiện Kết luận số 219-KL/TW ngày 26/11/2025 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045

- Công tác quán triệt, tuyên truyền và tổ chức triển khai thực hiện;

- Kết quả thực hiện các nhiệm vụ được giao thuộc lĩnh vực nông nghiệp, nông dân, nông thôn;

- Kết quả thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao;

- Những khó khăn, vướng mắc, nguyên nhân và kiến nghị, đề xuất.

8. Tình hình thực hiện Kết luận số 38-KL/TU ngày 20/8/2026 của Ban Thường vụ Thành ủy; Kế hoạch số 513/KH-UBND ngày 03/10/2026 của UBND thành phố; Kế hoạch số 352/KH-UBND ngày 10/7/2026 của UBND thành phố; kết quả thực hiện mục tiêu và giải pháp đối với nội dung "Không còn hộ nghèo, hộ cận nghèo có thành viên là người có công với cách mạng; hằng năm phấn đấu giảm hộ nghèo và hộ cận nghèo có khả năng lao động theo chỉ tiêu đề ra của thành phố" thuộc Chương trình thành phố "05 không, 03 có, 04 an" theo Quyết định số 2257/QĐ-UBND ngày 22/5/2026 của UBND thành phố Đà Nẵng

- Công tác quán triệt, tuyên truyền và tổ chức triển khai thực hiện;

- Kết quả thực hiện công tác giảm nghèo bền vững, các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp được giao tại các văn bản nêu trên;

- Những khó khăn, vướng mắc, nguyên nhân và kiến nghị, đề xuất.

III. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN NĂM 2027 VÀ ĐỊNH HƯỚNG GIAI ĐOẠN 2026-2030

1. Mục tiêu

Xác định mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể trong triển khai thực hiện các cơ chế, chính sách và nhiệm vụ trên lĩnh vực giảm nghèo, phát triển nông thôn năm 2027; định hướng mục tiêu, chỉ tiêu thực hiện giai đoạn 2026–2030.

2. Một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm

- Đề xuất các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm triển khai thực hiện các cơ chế, chính sách trong năm 2027.

- Định hướng các nhiệm vụ, giải pháp thực hiện giai đoạn 2026–2030 nhằm nâng cao hiệu quả triển khai các cơ chế, chính sách, phát triển nông nghiệp, nông thôn và cải thiện đời sống người dân.

- Đề xuất giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc; nâng cao hiệu quả quản lý, tổ chức thực hiện và khả năng tiếp cận chính sách của các đối tượng thụ hưởng.

3. Nhu cầu kinh phí thực hiện các cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển trên lĩnh vực giảm nghèo, phát triển nông thôn năm 2027 và giai đoạn 2026–2030

- Tổng nhu cầu kinh phí thực hiện năm 2027 và giai đoạn 2026–2030.

- Nhu cầu kinh phí theo từng cơ chế, chính sách, nội dung hỗ trợ.

- Dự kiến nguồn kinh phí thực hiện: ngân sách thành phố, ngân sách cấp xã và các nguồn huy động hợp pháp khác.

- Dự kiến nhu cầu kinh phí thực hiện từng năm trong giai đoạn 2026–2030.

- Lộ trình, tiến độ bố trí kinh phí và khả năng huy động nguồn lực thực hiện.

- Khó khăn, vướng mắc và kiến nghị, đề xuất về bố trí kinh phí (nếu có).

IV. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT